TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2022/HNGĐ-PT
Ngày: 21-11-2022
"Tranh chấp về HNGĐ -
Về việc chia tài sản chung
trong thời kỳ HN và tranh chấp HĐ
tặng, cho QSDĐ "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh**: Ông Đỗ Trung Đến- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình- chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân và tranh chấp HĐ tặng cho QSDĐ";

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 10/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2022/QĐPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Dương Văn T, sinh năm 1930;

Địa chỉ: B, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy quyền cho ông Phan Văn B, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: 02 tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Trần Thị X, sinh năm 1936;

Địa chỉ: B, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: A, Khóm B, Thị trấn L, Huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Dương Tấn H, sinh năm 1967;

2. Bùi Thị Kim Ả, sinh năm 1968;

3. Dương Thị Bé H1, sinh năm 1991;

4. Dương Tấn H2, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: B, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị X là bị đơn và ông Dương Tấn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện; Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Dương Văn T là ông Phan Văn B trình bày:*

Ông Dương Văn T với bà Trần Thị X là vợ chồng sống chung từ năm 1958, trong thời gian chung sống vợ chồng tạo lập phần tài sản sản chung hiện nay gồm có 03 thửa đất: Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 62, diện tích 802,7m^2, đất ONT, CLN, do ông Dương Văn T, bà Trần Thị X đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, một căn nhà tọa lạc cấp 4 xây dựng năm 1977 của ông T, bà X tọa lạc trên thửa đất số 91; Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 62, diện tích theo Giấy chứng nhận QSDĐ là 1.871,1m^2, theo đo đạc thực tế là 1.831,6m^2, đất ONT, CLN, do ông Dương Văn T, bà Trần Thị X đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, một căn nhà tọa lạc cấp 4 của ông Dương Tấn H tọa lạc trên thửa đất số 92; Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, diện tích 5.450m^2, đất lúa, đất cấp cho hộ ông Dương Văn T, bà Trần Thị X. 03 thửa đất này vợ chồng ông Dương Văn T tạo lập mua vào khoảng năm 1960 và sử dụng ổn định đến nay.

Nay ông Dương Văn T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng để ông Dương Văn T có tài sản sinh sống, chữa bệnh.

Ông Dương Văn T yêu cầu hưởng tài sản gồm:

Được hưởng thửa đất số 91 bao gồm: 01 căn nhà cấp 4 và đất có diện tích 802,7m^2, mục đích sử dụng đất ONT, CLN thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 62, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Trên phần đất có căn nhà chung của vợ chồng, nếu Tòa án chia phần đất, nhà này cho ông T đứng tên quyền sử dụng đất thì vợ chồng vẫn ở chung vì trong vụ án này là chia tài sản chung của vợ chồng, chứ vợ chồng không có ly hôn vẫn sống chung.

Được hưởng diện tích 2.000m^2, thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, có diện tích 5.450m^2, đất lúa, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông T yêu cầu hưởng giá trị là 150.000.000 đồng. Ngoài ra không tranh chấp yêu cầu gì thêm.

Nếu ông T hưởng ít hơn phần được hưởng thì ông T không yêu cầu trả giá trị phần chênh lệch.

Ông Dương Văn T đồng ý giao cho bà Trần Thị X hưởng toàn bộ thửa đất số 92, tờ bản đồ số 62, mục đích sử dụng đất ONT, CLN có diện tích theo Giấy chứng nhận QSDĐ là 1.871,1m^2, theo đo đạc thực tế là 1.831,6m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất bà Trần Thị X được hưởng thì tùy bà Trần Thị X quyết định, ông Dương Văn T không có ý kiến gì.

Cây trồng có trên phần đất ai được hưởng thì sử dụng, sở hữu cây trồng có trên đất, không yêu cầu tranh chấp cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

Đối với yêu cầu độc lập của Dương Tấn H thì ông Dương Văn T không đồng ý vì chỉ cho xây nhà để ở chứ không cho luôn phần đất, đối với thửa đất lúa cũng chỉ cho Dương Tấn H trồng cây chứ không cho luôn phần đất nên không có sang tên quyền sử dụng đất cho Dương Tấn H;

Thống nhất theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121 và 122/SĐ. ĐĐ/ CNVP.ĐKĐĐ 2020, được đo vẽ ngày 09/12/2020; Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện L và Biên bản xem xét thẩm định tại chổ cùng ngày 09/12/2020.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 91 và thửa 54 hiện nay ông Dương Văn T đang giữ, không có thế chấp.

** Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị X trình bày:*

Ông Dương Văn T với bà Trần Thị X là vợ chồng sống chung trên 50 năm, trong thời gian chung sống vợ chồng tạo lập phần tài sản sản chung hiện nay gồm có 03 thửa đất: Thửa 91, thửa 92, cùng tờ bản đồ số 62, một căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 91 và thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66. Phần đất này bà Trần Thị X xuất tiền mua, khi hai vợ chồng mới về sống chung sau đó vợ chồng ông T, bà X canh tác, sử dụng từ trước năm 1975, đối với thửa đất số 54, đất lúa thì giao cho Dương Tấn H canh tác.

Tại phiên hòa giải ông Dương Tấn H và bà Trần Thị X đồng ý giao cho ông Dương Văn T được hưởng phần đất diện tích 512,8m^2 từ mốc M2 đến M3, B, A, M2 thuộc một phần thửa đất số 91 tờ bản đồ số 62, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Căn nhà và đất diện tích 289,9m^2 từ mốc M1 đến M6, M5, M4, B, A, M1 thuộc một phần thửa đất số 91 tờ bản đồ số 62, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, bà X yêu cầu vợ chồng được hưởng, đồng ý cho ông T ở căn nhà này vì hai người vẫn là vợ chồng.

Bà Trần Thị X đồng ý nhận toàn bộ thửa đất số 92, tờ bản đồ số 62, có diện tích theo Giấy chứng nhận QSDĐ là 1.871,1m^2, theo đo đạc thực tế là 1.831,6m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Trên phần đất này có căn nhà cấp 04 của Dương Tấn H được ông T, bà X cho xây nhà ở riêng vào năm 2015, bà X đồng ý phần đất này đã cho Dương Tấn H.

Do Dương Tấn H trực tiếp nuôi, chăm sóc bà Trần Thị X nên bà X đồng ý giao phần tài sản của bà X cho Dương Tấn H đứng tên quyền sử dụng đất phần đất diện tích 704,2m^2, đất ONT, CLN, từ mốc M1, đến M6, M5, M4, M14, M11, M10, M9, M8, M7, M1 thuộc một phần thửa 92, tờ bản đồ số 62, đất tọa lạc tại xã L.

Ông Dương Văn T yêu cầu được hưởng diện tích 2.000m^2, thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, có diện tích 5.450m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu trả giá trị cho ông T là 150.000.000 đồng. Bà Trần Thị X thống nhất trả giá trị phần đất này cho ông T là 150.000.000 đồng. Bà Trần Thị

X được quyền sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, có diện tích 5.450m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra không tranh chấp yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị X trình bày không đồng ý chia 03 thửa đất đang tranh chấp theo yêu cầu của ông Dương Văn T, giữ nguyên 03 thửa đất này không chia, ông Dương Tấn H đồng ý giao cho ông Dương Văn T số tiền 200.000.000 đồng để sinh hoạt, sinh sống hàng ngày đồng thời ông Dương Tấn H nuôi dưỡng chăm sóc ông Dương Văn T.

Cây trồng có trên phần đất ai được hưởng thì sử dụng, sở hữu cây trồng có trên đất, không yêu cầu tranh chấp cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

Thống nhất theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121 và 122/SĐ.ĐĐ/ CNVP.ĐKĐĐ 2020, được đo vẽ ngày 09/12/2020; Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện L và Biên bản xem xét thẩm định tại chổ cùng ngày 09/12/2020.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 92 hiện nay ông Dương Tấn H đang giữ, không có thế chấp.

** Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa ông Dương Tấn H trình bày:*

Ông Dương Tấn H là con ruột của ông Dương Văn T, bà Trần Thị X. Ông Dương Văn T với bà Trần Thị X có 06 người con, đã chia tài sản cho 05 người con lớn và đã ở riêng từ trước năm 1990 đến nay. Ông Dương Văn T với bà Trần Thị X là vợ chồng trên 50 năm, trong thời gian chung sống vợ chồng tạo lập phần tài sản sản chung hiện nay gồm có 03 thửa đất: Thửa 91, thửa 92, cùng tờ bản đồ số 62, một căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 91; Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66. Phần đất này mẹ là bà Trần Thị X xuất tiền mua, khi hai vợ chồng mới về sống chung sau đó vợ chồng ông T, bà X sử dụng canh tác từ trước năm 1975, đối với thửa đất số 54, đất lúa thì giao cho Dương Tấn H canh tác.

Trên phần đất tranh chấp hiện nay có căn nhà của vợ chồng ông H đang ở tại thửa đất số 92 do ba mẹ là ông T, bà X cho xây dựng nhà kiên cố ra ở riêng từ năm 2015. Dương Tấn H có yêu cầu độc lập, yêu cầu được quyền sử dụng, đứng tên phần đất 704,2m^2, đất ONT, CLN, từ mốc M1, đến M6, M5, M4, M14, M11, M10, M9, M8, M7, M1 thuộc một phần thửa 92, tờ bản đồ số 62, đất tọa lạc tại xã L vì phần đất này ông Dương Văn T và bà Trần Thị X tặng cho nhưng chưa sang tên, nhưng chỉ nói bằng lời nói chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Bà X đồng ý cho phần đất này cho ông H đứng tên quyền sử dụng đất, ông H thống nhất theo ý kiến của bà X.

Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, Dương Tấn H trồng quýt, cam đang cho trái. Tại phiên hòa giải Dương Tấn H thống nhất theo ý kiến của ông Dương Văn T, bà Trần Thị X là Trần Thị X trả giá trị đất cho ông T là 150.000.000 đồng. Bà Trần Thị X được quyền sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, có diện tích 5.450m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa ông Dương Tấn H cho rằng ông Dương Văn T, bà Trần Thị X đã tặng cho ông Dương Tấn H phần đất

này nhưng chỉ nói bằng lời nói chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Dương Tấn H không yêu cầu tranh chấp công sức đóng góp, cải tạo phần đất đang tranh chấp và không yêu cầu gì thêm khác.

Cây trồng có trên phần đất ai được hưởng thì sử dụng, sở hữu cây trồng có trên đất, không yêu cầu tranh chấp cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

Thống nhất theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121 và 122/SĐ.ĐĐ/ CNVP.ĐKĐĐ 2020, được đo vẽ ngày 09/12/2020; Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện L và Biên bản xem xét thẩm định tại chổ cùng ngày 09/12/2020.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 92 hiện nay ông Dương Tấn H đang giữ, không có thế chấp.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Kim Ả trình bày: Bà Bùi Thị Kim Ả là vợ của ông Dương Tấn H, Bà Bùi Thị Kim Ả thống nhất toàn bộ trình bày, yêu cầu của ông Dương Tấn H, không yêu cầu hay trình bày gì thêm khác.

4. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Dương Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Dương Tấn H.

1.1. Ông Dương Văn T được hưởng phần tài sản gồm:

Một căn nhà cấp 4 và đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 62, diện tích 802,7m^2, từ mốc M1 đến mốc A, M2, M3, B, M4, M5, M6, M1 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, mục đích sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 279559, số vào sổ cấp GCN: CS08693 cấp cho hộ ông Dương Văn T và bà Trần Thị X ngày 17/7/2020, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Trần Thị X trả giá trị đất quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn T là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

1.2. Bà Trần Thị X được hưởng phần tài sản gồm:

- Một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số 62, có diện tích là 1.127,4m^2 từ mốc M11 đến M12, M13, M14, M11, theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L được đo vẽ ngày 9/12/2020, mục đích sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 279558, số vào sổ cấp GCN: CS08692 cấp cho hộ ông Dương Văn T và bà Trần Thị X ngày 17/7/2020, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, có diện tích 5.450m^2, từ mốc M1 đến mốc M2, M3, M4, M5, M1 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 122/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng

đất huyện L được đo vẽ ngày 9/12/2020, mục đích sử dụng đất trồng lúa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 186935, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.03935 cấp cho hộ ông Dương Văn T và bà Trần Thị X ngày 16/9/2009, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Dương Tấn H được quyền sử dụng, đứng tên quyền sử phần đất thuộc một phần thửa 92, tờ bản đồ số 62, diện tích 704,2m^2 từ mốc M1, đến M6, M5, M4, M14, M11, M10, M9, M8, M7, M1 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L được đo vẽ ngày 9/12/2020, mục đích sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 279558, số vào sổ cấp GCN: CS08692 cấp cho hộ ông Dương Văn T và bà Trần Thị X ngày 17/7/2020, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền chi phí xem xét thẩm định, dịnh giá và quyền kháng cáo của các đương sự;

5. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 14/04/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, còn ông H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm;
- Bà X, ông H giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, ông H; Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với bà Trần Thị X và yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn H nên được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình- chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà X về việc không đồng ý chia tài sản chung cho ông T; còn ông H thì kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về tài sản tranh chấp: là 03 thửa đất và tài sản trên đất gồm:

+ Thửa đất số 91 và căn nhà cấp 4 có trên đất, tờ bản đồ số 62, diện tích 802,7m^2, mục đích sử dụng đất ONT, CLN, cấp cho hộ ông Dương Văn T, bà Trần Thị X;

+ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 62, theo đo đạc thực tế là 1.831,6m^2, mục đích sử dụng đất ONT, CLN, cấp cho hộ ông Dương Văn T, bà Trần Thị X;

+ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, diện tích 5.450m^2, đất trồng lúa, cấp cho hộ ông Dương Văn T, bà Trần Thị X;

Trên đất có cây trồng trên đất, các bên thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:

Cả 03 thửa đất trên được các bên xác định là do ông T, bà X tạo lập mà có; Do đó, được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Dương Văn T, bà Trần Thị X; Nay ông Dương Văn T có yêu cầu chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để có quyền tự định đoạt tài sản.

Xét yêu cầu của ông Dương Văn T được hưởng phần tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4 và phần đất có diện tích 802,7m^2, thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 62, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Ông T đồng ý cho bà X cùng ở căn nhà này vì hai người vẫn là vợ chồng. Ông T yêu cầu được hưởng diện tích 2.000m^2, thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, có diện tích 5.450m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nhưng ông T yêu cầu hưởng giá trị là 150.000.000 đồng. Ngoài ra không tranh chấp hay yêu cầu gì thêm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, việc ông T yêu cầu chia tài sản chung đối với 03 thửa đất là phù hợp pháp luật, bà X cũng xác định 03 thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông, bà tạo lập mà có; từ trước đến nay ông T ở trong căn nhà tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 62; sau khi ông H3 có vợ thì ông, bà cho cất nhà ở trên phần đất tại thửa 92; bà X có lúc ở bên căn nhà tại thửa 91 với ông T, có lúc qua nhà bên thửa 92 để ở với vợ chồng ông H3. Nhận thấy, để có tiền lo trang trải cuộc sống và để tự quyết định về tài sản của mình nên nay ông T yêu cầu được chia phần tài sản chung mà ông và bà X tạo lập mà có. Phần tài sản ông T yêu cầu có giá trị thấp hơn phần tài sản giao cho bà X quản lý, sử dụng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T là phù hợp. Còn đối với bà X, trong quá trình xét xử sơ thẩm, bà cũng thừa nhận 03 thửa đất trên là tài sản chung nhưng nay bà kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung cho ông T là không phù hợp. Còn đối với kháng cáo của ông H: không đồng ý việc chia tài sản chung của ông T là không phù hợp. Bởi vì, ông H cũng đã thừa nhận, 03 thửa đất mà ông T đang yêu cầu là tài sản của ông T, bà X tạo lập từ lúc hai người sống chung; từ trước đến nay, ông H3 ở chung ông T, bà X từ lúc nhỏ cho đến lớn thì có vợ được ông T cất nhà cho ra ở riêng và từ trước đến nay vợ chồng ông H cũng không có tạo lập thêm phần tài sản nào hoặc có công bồi đắp làm tăng giá trị tài sản của ông T, bà X. Do đó, việc ông H yêu cầu được chia tài sản cho ông vì ông là thành viên trong hộ là không phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm việc ông T, bà X đồng ý cho ông H được quyền sử dụng phần đất đất thuộc 01 phần thửa 92; Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T, bà X nên được hội đồng xét xử chấp nhận. Còn việc ông H kháng cáo yêu cầu

hủy bản án sơ thẩm nhưng ông không đưa ra được lý do. Do đó, Hội đồng xet xử không chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, ông H nên phải chịu tiền án phí DSPT; Tuy nhiên, do bà X là người cao tuổi nên được miễn. Còn ông H phải chịu tiền án phí theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị; có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 116 Luật HNGĐ; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị X, ông Dương Tấn H;

2. Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân Huyện L;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Dương Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Dương Tấn H.

- Ông Dương Văn T được hưởng phần tài sản gồm:

Một căn nhà cấp 4 và phần đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 62, diện tích 802,7m^2, từ mốc M1 đến mốc A, M2, M3, B, M4, M5, M6, M1 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121/SĐ. ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L được đo vẽ ngày 09/12/2020; mục đích sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm;

Buộc bà Trần Thị X trả giá trị đất quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn T với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bà Trần Thị X được hưởng phần tài sản gồm:

Một phần đất tại thửa số 92, tờ bản đồ số 62, có diện tích là 1.127,4m^2 từ mốc M11 đến M12, M13, M14, M11, theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121/SĐ. ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L được đo vẽ ngày 9/12/2020, mục đích sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm;

Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, có diện tích 5.450m^2, từ mốc M1 đến mốc M2, M3, M4, M5, M1 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 122/SĐ.

ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L được đo vẽ ngày 9/12/2020, mục đích sử dụng đất trồng lúa;

- Ông Dương Tấn H được quyền sử dụng và được đứng tên:

Phần đất và căn nhà cấp 4 có trên đất thuộc một phần thửa 92, tờ bản đồ số 62, diện tích 704,2m^2 từ mốc M1, đến M6, M5, M4, M14, M11, M10, M9, M8, M7, M1 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số: 121/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L được đo vẽ ngày 9/12/2020, mục đích sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm,

- Các đương sự phải có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký, điều chỉnh, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 91, thửa 92 cùng tờ bản đồ số 62, mục đích sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66, đất trồng lúa, cấp cho hộ ông Dương Văn T và bà Trần Thị X, đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo diện tích, vị trí mà bản án đã tuyên và chịu các chi phí cho việc cấp, đổi quyền sử dụng đất (nếu có) theo quy định pháp luật.

- Về án phí và tạm ứng án phí và Lệ phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản:

+ Ông Dương Văn T và bà Trần Thị X được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

+ Ông Dương Tấn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ 15.360.000 đồng và 1.471.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí mà Dương Tấn H đã nộp theo biên lai số 0014651, ngày 28/4/2021, biên lai số 0005782, ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Dương Tấn H được nhận lại 16.531.000 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Bà Trần Thị X, ông Dương Tấn H có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn T số tiền 5.442.500 đồng lệ phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản. Do ông T đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong.

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị X được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định;

Ông Dương Tấn H phải nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số…….

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh